

ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN BSCI - GÓP PHẦN TĂNG NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG VÀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH DOANH NGHIỆP

Tiêu chuẩn BSCI là bộ quy tắc dùng để đánh giá và tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh. BSCI được Hiệp hội Ngoại thương (FTA) thiết lập nhằm tạo ra các quy tắc ứng xử và hệ thống giám sát về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở châu Âu.

Ở Việt Nam, dù BSCI còn tương đối mới, nhưng trong xu thế hội nhập, việc sớm áp dụng BSCI là rất cần thiết. Áp dụng BSCI giúp phát triển lành mạnh các mối quan hệ lao động sẽ góp phần quan trọng vào tăng năng suất chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh và sự thành công của doanh nghiệp.

Áp dụng BSCI, các nhà cung ứng xuất khẩu Việt Nam sẽ cải thiện lâu dài các tiêu chuẩn xã hội, qua đó thay đổi tốt hơn điều kiện làm việc cho người lao động, quan hệ lao động, kết quả kinh doanh và chất lượng xã hội của sản phẩm.

Việc áp dụng BSCI nhìn chung đáp ứng theo các chuẩn mực áp dụng và đánh giá được dựa trên: Các công ước ILO; Luật Lao động, Luật Môi trường và An toàn vệ sinh lao động tại nước sở tại của nhà sản xuất. Nếu luật của nước sở tại thấp hơn của ILO và yêu cầu riêng của nhà bán lẻ và luật của thị trường nơi sản phẩm được bán vào thì phải áp dụng theo yêu cầu pháp luật của thị trường nơi bán sản phẩm; Và một số yêu cầu cao hơn luật do nhà sở hữu thương hiệu hoặc nhà bán lẻ quy định.

Hiện trạng áp dụng và những lỗi thường gặp và khó khắc phục ở các nhà sản xuất Việt Nam: Thứ nhất, làm việc quá thời gian yêu cầu quy định: Đây là lỗi khó khắc phục nhất bởi nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan vì năng lực sản xuất có hạn, tài chính và mùa vụ sản xuất và mức lương. Bản thân người lao động cũng muốn tăng ca để tăng thu nhập; Thứ hai, trả lương không đúng theo luật: Lương thời gian hay lương sản phẩm. Lương trả

không đúng quy định đăng ký. Cách tính ngày công chuẩn sai, trả lương không tính ngày phép, thời gian đào tạo, không đủ lương tối thiểu cho những tháng nghỉ chờ việc, thiếu đơn hàng. Lương để đóng bảo hiểm tính thiếu. Thứ ba, phân biệt đối xử: Mức lương giữa nam và nữ khác nhau trong khi làm cùng một công việc, hoặc chỉ tuyển dụng trong một độ tuổi nhất định...; Thứ tư, lao động cưỡng bức: Chủ yếu là ép buộc người lao động tăng ca; Thứ năm, các yêu cầu đặc biệt cho lao động nữ và lao động trong thời gian mang thai và nuôi con nhỏ: Vì không kiểm soát được sản xuất và năng lực có hạn và muốn có nhiều đơn hàng để duy trì sự sống còn nên một số lỗi khác xảy ra như: thuê các hộ gia đình các nhà thầu phụ nhỏ khác làm và không kiểm soát được có sử dụng trẻ em, giờ giấc làm việc và lương thưởng.

Là một trong những doanh nghiệp áp dụng thành công tiêu chuẩn BSCI, Công ty TNHH may Phù Yên là doanh nghiệp chuyên sản xuất các mặt hàng may mặc các loại. Trong giai đoạn mới ngoài việc áp dụng công nghệ tiên tiến vào quy trình sản xuất thì còn áp dụng thêm các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó có BSCI. Năm 2019, công ty sản xuất 1,47 triệu sản phẩm, trong đó 70% phục vụ xuất khẩu. Thực hiện trách nhiệm xã hội vẫn được xem là một hành động giải quyết các vấn đề xã hội vì các mục đích từ thiện và nhân đạo. Công ty đạt được sự cân bằng hoặc kết hợp những yêu cầu về kinh tế, môi trường và xã hội; đồng thời, đáp ứng những kỳ vọng của các cổ đông và các bên đối tác. Cách thức mà Công ty tương tác với các cổ đông, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế và các đối tác khác luôn được coi là một đặc điểm then chốt của khái niệm trách nhiệm xã hội ■

Theo Vietq.vn

ÁP DỤNG CÔNG CỤ KAIZEN GIÚP DOANH NGHIỆP TĂNG NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG ĐẾN 60-70%

Kaizen là công cụ trong quản lý được áp dụng nhằm thúc đẩy hoạt động cải tiến liên tục với sự tham gia của mọi người nhằm cải thiện không ngừng môi trường làm việc, cuộc sống mỗi cá nhân, mỗi gia đình.

Kaizen là cách tiếp cận mang tính triết lý và có hệ thống, được Nhật Bản phát triển sau chiến tranh thế giới thứ 2. Trong tiếng Nhật, Kaizen được ghép từ “Kai” - “thay đổi” hay “làm cho đúng” và “zen” - “tốt”, nghĩa là “cải tiến liên tục”. Kaizen là sự tích lũy các cải tiến nhỏ thành kết quả lớn, tập trung vào xác định vấn đề, giải quyết vấn đề và thay đổi chuẩn để đảm bảo vấn đề được giải quyết tận gốc.

Do đó, Kaizen còn hơn một quá trình cải tiến liên tục, với niềm tin rằng sức sáng tạo của con người là vô hạn. Qua đó, tất cả mọi thành viên trong tổ chức từ lãnh đạo đến công nhân đều được khuyến khích đưa ra đề xuất cải tiến dù là nhỏ xuất phát từ những công việc thường ngày.

Khi áp dụng ở nơi làm việc, Kaizen nghĩa là cải tiến liên tục và nó đòi hỏi sự cam kết, nỗ lực liên tục của mọi người, các cán bộ quản lý cũng như công nhân. Kaizen là những cải tiến nhỏ thực hiện từng bước trong một thời gian dài.

Thực tế, các công ty Nhật thường chú trọng thực hiện Kaizen hoặc chương trình có sự tham gia của nhân viên; Kaizen ít tốn kém nhưng mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng công việc, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và giảm chi phí hoạt động.

Kaizen liên quan đến mỗi thành viên trong việc thay đổi, tập trung vào xác định các vấn đề tại nguồn, giải quyết vấn đề tại nguồn và thay

đổi tiêu chuẩn để đảm bảo vấn đề vẫn được giải quyết tận gốc. Ứng dụng Kaizen, các doanh nghiệp có được 25-30 đề nghị trong một năm đối với một thành viên và có trên 70% ý kiến đề nghị này được áp dụng.

Kaizen giúp giảm lãng phí trong các lĩnh vực như hàng tồn kho, thời gian chờ đợi, vận chuyển, thao tác nhân viên, kỹ năng nhân viên, sản xuất thừa, chất lượng không đạt và giảm lãng phí trong các quá trình. Bên cạnh đó, Kaizen giúp cải thiện mặt bằng sản xuất, chất lượng sản phẩm, sử dụng vốn, thông tin, năng lực sản xuất và giữ chân nhân viên.

Kaizen mang lại kết quả ngay thay vì tập trung vào các cải tiến lớn, cần đầu tư vốn; Kaizen tập trung đầu tư sáng tạo liên tục giải quyết một số lượng lớn các vấn đề nhỏ. Sức mạnh thực sự của Kaizen là liên tục cải tiến nhỏ các quá trình và giảm thiểu lãng phí.

Kaizen đem lại lợi như tích lũy các cải tiến nhỏ trở thành kết quả lớn; Giảm các lãng phí, tăng năng suất; Tạo động lực thúc đẩy cá nhân có các ý tưởng cải tiến; Tạo tinh thần làm việc tập thể, đoàn kết; Tạo ý thức luôn hướng tới giảm thiểu các lãng phí; Xây dựng nền văn hoá công ty.

Tổ trưởng có trách nhiệm áp dụng Kaizen phải duy trì tỷ lệ các đề xuất sáng kiến, huấn luyện và cải thiện thông tin tại nơi làm việc, ngoài ra, nhân viên tại xưởng phải đưa ra đề nghị, tìm hiểu công việc mới, sử dụng công cụ và thường tham gia vào hoạt động cải tiến liên tục ở mức cá nhân và theo nhóm ■

Theo Vietq.vn

QUY CHUẨN VIỆT NAM 16:2019/BXD YÊU CẦU GÌ ĐỐI VỚI VẬT LIỆU XÂY DỰNG?

Vật liệu xây dựng đóng vai trò chủ yếu trong công tác xây dựng và là một trong các yếu tố quyết định chất lượng, giá thành, thời gian thi công công trình. Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, chất lượng vật liệu ngày càng được nâng cao.

Xác định vai trò, tầm quan trọng của vật liệu xây dựng đối với công trình xây dựng, để nâng cao và quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng, ngày 31/12/2019, Bộ Xây dựng đã ban hành QCVN 16:2019/BXD quy định về mức giới hạn đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất trong nước, nhập khẩu, kinh doanh, lưu thông trên thị trường và sử dụng vào công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam, không áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu dưới dạng mẫu thử, hàng mẫu, hàng trưng bày triển lãm, hội chợ; hàng hóa tạm nhập tái xuất không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam, hàng hóa quá cảnh.

Bộ Xây dựng yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu phải công bố bằng văn bản hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi có trong sản phẩm sơn tường dạng nhũ tương.

Quy chuẩn Việt Nam 16:2019/BXD yêu cầu không sử dụng nguyên liệu amiăng amfibôn (tên viết khác amfĩbole) cho chế tạo các sản phẩm vật liệu xây dựng. Nhóm amiăng amfibôn bị cấm sử dụng gồm 5 loại sau: Amosite (amiăng nâu): Dạng sợi, màu nâu, công thức hóa học: $5,5 \text{ FeO} \cdot 1,5 \text{ MgO} \cdot 8 \text{ SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$; Crocidolite (amiăng xanh): Dạng sợi, màu xanh, công thức hóa học: $3 \text{ H}_2\text{O} \cdot 2 \text{ Na}_2\text{O} \cdot 6 (\text{Fe}_2, \text{Mg})\text{O} \cdot 2 \text{ Fe}_2\text{O}_3 \cdot 17 \text{ SiO}_2$;



Anthophillite: Dạng sợi, có màu, công thức hóa học: $7 (\text{Mg}, \text{Fe})\text{O} \cdot 8 \text{ SiO}_2 (\text{OH})_2$; Actinolite: Dạng sợi, có màu, công thức hóa học: $2 \text{ CaO} \cdot 4 \text{ MgO} \cdot \text{FeO} \cdot 8 \text{ SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$; Tremolite: Dạng sợi, có màu, công thức hóa học: $2 \text{ CaO} \cdot 5 \text{ MgO} \cdot 8 \text{ SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$.

Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải được kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật theo các phương pháp thử tương ứng và phải thỏa mãn mức yêu cầu trong quy chuẩn.

Việc chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nêu ở bảng 1 Phần 2 của Quy chuẩn này được thực hiện theo các phương thức: phương thức 1, phương thức 5, phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN) và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN) ■

Theo Vietq.vn

QUY CHUẨN VIỆT NAM 02-16:2012/BNNTPTNT VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM YÊU CẦU NHƯ THẾ NÀO?

Để đủ điều kiện hoạt động hợp pháp, các cơ sở sản xuất nước mắm bắt buộc phải tuân thủ QCVN 02-16:2012/BNNTPTNT.

Nước mắm là hỗn hợp axit amin hình thành do quá trình thủy phân Proteaza từ việc lên men các loại cá. Trong quá trình thực hành sản xuất, nếu cơ sở không tuân thủ nguyên tắc về vệ sinh an toàn thực phẩm sẽ vô tình tạo ra môi trường thuận lợi cho các vi sinh vật sinh sống và phát triển.

Khi đó sản phẩm sẽ trở nên nguy hại cho sức khỏe và là nguyên nhân của các vụ ngộ độc thực phẩm. Do đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành QCVN 02-16:2012/BNNTPTNT do Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản soát xét và biên soạn thay thế QCVN 02-06:2009/BNNTPTNT.

Quy chuẩn này quy định các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất nước mắm dùng làm thực phẩm, áp dụng đối với cơ sở có đăng ký kinh doanh và các tổ chức, cá nhân liên quan, không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất nước mắm nhằm mục đích tự tiêu dùng.

Quy chuẩn Việt Nam 02-16:2012/BNNTPTNT yêu cầu cơ sở phải được xây dựng ở vị trí thích hợp, xa nguồn ô nhiễm, độc hại, không bị ảnh hưởng bởi các tác nhân gây nhiễm từ môi trường xung quanh, không bị ngập nước, đọng nước. Cơ sở sản xuất phải có mặt bằng đủ rộng, thoáng, có tường bao ngăn cách với bên ngoài. Nhà xưởng phải bố trí phù hợp với quy trình chế biến, đảm bảo yêu cầu vệ sinh, hạn chế tối đa sự lây nhiễm, thuận lợi cho hoạt động sản xuất và làm vệ sinh.

Cơ sở phải có nguồn nước đáp ứng quy định tại QCVN 01:2009/BYT về chất lượng nước ăn uống và bảo đảm có đủ nước theo yêu cầu sản xuất. Các bể chứa, đường ống dẫn nước thiết kế phù hợp, không rò rỉ, không độc hại; bể chứa nước để làm vệ sinh và phải được đậy kín.

Hệ thống thoát nước thải phải đảm bảo thải được hết lưu lượng nước cần thải trong hoạt động sản xuất hàng ngày của cơ sở. Cổng thoát có độ dốc thích hợp, không đọng nước. Cuối

đường thoát nước thải phải có hố ga, có nắp đậy ngăn chặn động vật gây hại bên ngoài xâm nhập vào khu vực sản xuất.

Nước thải trước khi xả ra môi trường phải được xử lý đảm bảo đáp ứng quy định của QCVN 11:2008/BTNMT về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải được làm bằng vật liệu bền, không độc, không làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm, chịu tác động của muối và phải chuyên dùng. Bề mặt thiết bị, dụng cụ phải nhẵn, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

Trong QCVN 02-16:2012/BNNTPTNT yêu cầu nguyên liệu để sản xuất nước mắm phải bảo đảm an toàn thực phẩm (bao gồm nguyên liệu nông sản - nếu có), có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; nguyên liệu thủy sản có thể được ướp muối trước khi đưa về cơ sở. Chỉ sử dụng chất phụ gia, phẩm màu, chất hỗ trợ chế biến trong danh mục được phép sử dụng cho thực phẩm theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

Phụ gia, phẩm màu, chất hỗ trợ chế biến phải rõ nguồn gốc, còn nguyên vẹn nhãn mác, hạn sử dụng. Kho bảo quản phụ gia, phẩm màu, chất hỗ trợ chế biến phải khô, thoáng, ngăn được động vật gây hại và không được bảo quản chung với hóa chất tẩy rửa, khử trùng, hóa chất độc hại.

Bao bì tiếp xúc trực tiếp sản phẩm phải bền chắc, không độc, không gỉ sét, bề mặt nhẵn, không bị ăn mòn, không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Bao bì phải được bảo quản ở nơi riêng biệt, thoáng, khô ráo, hợp vệ sinh. Việc ghi nhãn sản phẩm phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 và các quy định hiện hành.

Cơ sở phải xây dựng và áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo đúng quy định nêu tại QCVN 02-02:2009/BNNTPTNT Cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản - Chương trình đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm theo nguyên tắc HACCP ■

Theo Vietq.vn

ISO 50001 - GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM CHO DOANH NGHIỆP

Tiêu chuẩn ISO 50001 cho hệ thống quản lý năng lượng có thể giúp bảo vệ tương lai bằng cách tạo ra sự khác biệt tích cực ở hiện tại và tương lai.

Đối với các tổ chức cam kết giải quyết tác động của họ, bảo tồn tài nguyên và cải thiện lợi nhuận thông qua quản lý năng lượng hiệu quả là điều rất quan trọng, chính vì vậy ISO 50001 đã được phát triển. Được thiết kế để hỗ trợ các tổ chức trong tất cả lĩnh vực, tiêu chuẩn ISO này cung cấp phương pháp thiết thực để cải thiện việc sử dụng năng lượng, thông qua việc phát triển hệ thống quản lý năng lượng (EnMS).

Phát triển hệ thống quản lý năng lượng

ISO 50001 dựa trên mô hình hệ thống quản lý cải tiến liên tục, được sử dụng cho các tiêu chuẩn nổi tiếng khác như ISO 9001 hoặc ISO 14001. Điều này giúp các tổ chức dễ dàng tích hợp quản lý năng lượng vào nỗ lực chung của họ để cải thiện chất lượng và quản lý môi trường.

ISO 50001 cung cấp khuôn khổ yêu cầu cho các tổ chức để: Xây dựng chính sách sử dụng năng lượng hiệu quả hơn; Xác định các mục tiêu và mục tiêu để đáp ứng chính sách; Sử dụng dữ liệu để hiểu rõ hơn và đưa ra quyết định về việc sử dụng năng lượng; Đo lường kết quả; Xem lại chính sách hoạt động tốt như thế nào và liên tục cải tiến quản lý năng lượng.

Áp dụng thành công ISO 50001

Bentley - một trong những thương hiệu xe nổi tiếng. Quản lý năng lượng là một phần công việc chính mà Bentley tập trung vào, Bentley Motors đã trở thành nhà sản xuất ô tô đầu tiên ở Vương quốc Anh triển khai áp dụng và được chứng nhận ISO 50001 - Hệ thống quản lý năng lượng - Các yêu cầu hướng dẫn sử dụng.

Thách thức luôn là động cơ để đưa nhà sản xuất ô tô nổi tiếng này đến với những tiêu chuẩn liên quan đến sản xuất ô tô. Được chứng nhận ISO 50001 chính là bằng chứng của cam kết này. Trong khoảng thời gian ngắn, mặc dù việc sản xuất xe hơi của Bentley Motors tăng gấp 10 lần nhưng không có sự gia tăng tương ứng về

tác động đối với môi trường, điều đó đồng nghĩa các chi phí về năng lượng trên mỗi xe giảm xuống qua từng giai đoạn, giúp rất nhiều cho doanh thu của hãng.

Bentley đã giảm tiêu thụ nước còn một nửa trong quá trình phủ mạ khi áp dụng các hệ thống quản lý năng lượng 50001 và hệ thống quản lý môi trường 14001.

Hay tại Công ty TNHH Đông Nam Á Lào Cai, sau thời gian triển khai áp dụng ISO 50001, ý thức tiết kiệm năng lượng của cán bộ, công nhân công ty được nâng lên đáng kể. Chính vì vậy, hàng loạt biện pháp cải thiện năng lượng được các kỹ sư vận hành của công ty đề xuất.

Kết quả điển hình là cải tiến chế độ vận hành thiết bị. Khi triển khai các bước áp dụng theo ISO 50001, kỹ sư đã quan sát, theo dõi dữ liệu và phân tích kỹ từng yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng năng lượng. Do đó phát hiện ra hiện tượng lò được vận hành với công suất thấp hơn công suất thiết kế, cộng thêm việc dùng từng bộ phận của tổ hợp lò đã làm giảm hiệu suất lò và tăng hệ số tiêu hao điện năng trên đơn vị sản phẩm.

Trên cơ sở đó, phân xưởng từng bước duy trì chế độ ổn định của lò, yêu cầu công nhân tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành của hệ thống theo biểu đồ nạp liệu, tháo xỉ và phero phốt pho để đạt được mục tiêu tối ưu hóa các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

Công ty cũng tập trung vào chất lượng nguyên liệu đầu vào, trước tiên là quặng photphát. Hiện tại, quặng Apatit bắt đầu suy giảm do nhiều nhà máy cùng nâng công suất, công ty phải chuyển sang sử dụng quặng loại II. Việc chuyển đổi nguyên liệu như vậy làm hệ số tiêu hao điện năng tăng từ 7-10%. Vì vậy, phòng kỹ thuật đã đề xuất phối trộn phù hợp giữa quặng loại I và quặng loại II. Việc xử lý tốt nguyên liệu cho phép giảm tới 10% hệ số tiêu hao điện năng, giảm chi tiêu về than cốc, giảm lượng khí thải, giúp thiết bị lọc điện và ngưng tụ vận hành thuận lợi hơn ■

Theo Vietq.vn